

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Phúc

Bà Võ Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 7 năm 2022, đối với bị cáo:

Trương Văn K, sinh ngày 01/01/1977; tại tỉnh Bến Tre.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn N, sinh năm 1958 và bà Trịnh Thị Bé H, sinh năm 1960; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: bị cáo có 02 tiền án, cụ thể:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/HSST ngày 11/01/1997 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, xử phạt Trương Văn K 02 năm tù, về tội Trộm cắp tài sản công dân, chấp hành xong ngày 22/10/1998 nhưng đến nay bị cáo chưa chấp hành xong phần án phí.

+ Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 1157/HSPT ngày 16/6/2000 của Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt Trương Văn K 13 năm tù về tội Cướp tài sản của công dân; bị cáo K chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/8/2010 nhưng đến nay bị cáo chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại cho bị hại (14 chỉ 05 phân vàng 24K, loại 9,99%).

Tiền sự: không.

Về nhân thân:

- Tại Quyết định số 1234/QĐ-UB ngày 20/11/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, quyết định đưa Trương Văn K đi tập trung cưỡng bức lao động thời hạn 12 tháng do có hành vi nguy hại cho xã hội.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/HSST ngày 12/10/1995 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, xử phạt Trương Văn K 12 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản công dân, chấp hành xong ngày 07/8/1996; bị cáo đã xóa án tích theo quy định tại điểm b Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2011/HSST ngày 21/02/2011 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, xử phạt Trương Văn K 01 năm tù, về tội Trộm cắp tài sản, K chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/12/2011 và chấp hành xong án phí ngày 21/12/2011; bị cáo đã xóa án tích theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2013/HSST ngày 17/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, xử phạt Trương Văn K 09 tháng tù, về tội Cố ý gây thương tích, K chấp hành xong hình phạt tù vào tháng 6/2013 và chấp hành xong án phí ngày 12/8/2013; bị cáo đã xóa án tích theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2016/HSST ngày 01/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, xử phạt Trương Văn K 03 năm tù, về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/8/2018 và chấp hành xong án phí ngày 23/9/2016; bị cáo đã xóa án tích theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/02/2022 đến ngày 03/3/2022 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt)

- *Bị hại:* Anh Trần Thanh V, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp A, xã C, huyện G, tỉnh B. (có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 15/7/2022)

- *Người làm chứng:*

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963. Nơi cư trú: ấp A, xã C, huyện G, tỉnh B. (vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976. Nơi cư trú: ấp A, xã C, huyện G, tỉnh B. (vắng mặt)

Anh Đào Minh X, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp A, xã C, huyện G, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn K đã bị Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt theo Bản án hình sự phúc thẩm số 1157/HSPT ngày 16/6/2000 đối với K 13 năm tù về tội Cướp tài sản của công dân, với tình tiết định khung tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” quy định tại Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 1985; Khoa chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội, cụ thể:

Khoảng 16 giờ, ngày 25/02/2022, Trương Văn K thuê xe ôm của một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) đi từ xã H đến xã C, huyện G với ý định tìm, phát hiện nơi nào có xe mô tô của người khác mất cảnh giác trong quản lý bảo vệ xe để trộm cắp đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng 17 giờ cùng ngày, khi đến lộ bê tông thuộc khu vực ấp A, xã C, huyện G, tỉnh B, K phát hiện có 01 xe mô tô Biển số 71B1-393.44, nhãn hiệu HONDA, loại Wave RSX, màu sơn đen - đỏ đang dựng ở cặp lộ bê tông, không có chủ xe nên K bảo người chạy xe ôm ngừng xe lại; K trả 150.000 đồng tiền thuê xe để người này rời khỏi khu vực để xe. K phát hiện xe có gắn sẵn chìa khóa nên K nhanh chóng lên xe cho nổ máy chạy đi. Lúc này anh Trần Thanh V là chủ sở hữu xe mô tô Biển số 71B1-393.44 đang ở trong nhà nghe tiếng xe mô tô nổ máy, nhìn ra phát hiện một nam thanh niên lấy trộm xe mô tô của mình nên anh V tri hô và đuổi theo. Khi đến đoạn lộ kênh Giải Phóng thuộc ấp A, xã C, huyện G, tỉnh B, K không làm chủ được tay lái té ngã nên bị anh V và nhân dân bắt giữ, thông báo cho Công an xã C, huyện G đến hiện trường lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trương Văn K vào lúc 17 giờ 35 phút ngày 25/02/2022 về hành vi trộm cắp tài sản.

Vật chứng thu giữ của Trương Văn K:

- 01 xe mô tô Biển số 71B1-393.44, nhãn hiệu HONDA, loại xe hai bánh, số loại Wave RSX, màu sơn: đen – đỏ do Trần Thị E đứng tên.
- 01 nón bảo hiểm màu tím, có kính chắn, trên nón có chữ STYLE.
- 01 đôi dép bằng nhựa số Size 42, màu xanh đen.

Hiện trường nơi xảy ra vụ án trên lộ bê tông rộng 02m thuộc địa phận ấp A, xã C, huyện G, tỉnh B. Xe mô tô Biển kiểm soát 71B1-393.44 dựng trên lộ bê tông cách cầu gỗ hướng Đông Nam vào nhà anh Trần Thanh V là 1,6m và cách nhà anh V 23,5m; từ vị trí K lấy trộm xe điều khiển bỏ chạy đến vị trí K té ngã bị bắt giữ về hướng Tây là 850m.

Theo Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 04/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Giồng Trôm, kết luận: 01 xe mô tô Biển số 71B1-393.44, nhãn hiệu HONDA, loại xe hai bánh, số loại Wave RSX, màu sơn: đen – đỏ, dung tích 109cm³ trị giá 7.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm đã trả xe mô tô biển kiểm soát 71B1-393.44 cho bên bị hại. Do chị Trần Thị E là vợ của anh Trần Thanh V đứng tên giấy tờ xe nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Bên bị hại đã nhận lại xe mô tô Biển kiểm soát 71B1-393.44 và không yêu cầu bị cáo Trương Văn K bồi thường gì khác.

Trong quá trình điều tra, Trương Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của K phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản bắt người phạm tội quả tang, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số 27/CT-VKSGT, ngày 17/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Trương Văn K về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

- Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trương Văn K từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: không.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy 01 nón bảo hiểm; 01 đôi dép.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo nhất trí với Bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, không tranh luận, bào chữa gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Tòa giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, người làm chứng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ cũng không trở ngại cho việc xét xử, cũng không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trương Văn K đã bị kết án về tội cướp tài sản của công dân với tình tiết định khung tăng nặng “tái phạm nguy hiểm”, chưa được xóa án tích. Khoảng 17 giờ 05 phút, ngày 25/02/2022 K đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô, biển số kiểm soát 71B1-393.44 trị giá 7.000.000 đồng của anh Trần Thanh V đang dựng ở cặp lộ pê tông thuộc khu vực ấp A, xã C, huyện G, tỉnh B và ngay sau đó bị bắt quả tang trên đường tẩu thoát. Như vậy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trương Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan cho bị cáo. Chính bị cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, chỉ yêu cầu Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra: Trong vụ án này có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, bị cáo phạm tội nghiêm trọng, trường hợp phạm tội của bị cáo được coi là “tái phạm nguy hiểm”, hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp, xâm phạm sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây dư luận ảnh hưởng không tốt đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nơi xảy ra vụ án, làm cho người dân lo lắng, bất an. Đặc biệt, xã C là xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao. Tại nơi đây, người dân rất quan tâm đến công tác phòng chống tội phạm, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự. Do đó, để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống loại tội phạm này trong tình hình hiện nay đối với bị cáo cần phải nghiêm trị. Tuy nhiên, việc trộm cắp tài sản của bị cáo đã được bị hại và người dân phát hiện, truy đuổi, ngăn chặn kịp thời thu hồi xe mô tô trả lại cho bị hại nên bị cáo chưa được hưởng lợi từ việc trộm cắp và gây thiệt hại không đáng kể.

[5] Về nguyên nhân, mục đích, động cơ phạm tội của bị cáo: Xuất phát từ bản tính tham lam, tư lợi, không chịu cải tạo để hướng thiện hoàn lương, lười lao động mà bất chấp pháp luật cố ý phạm tội. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra để đạt mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác.

[6] Về phương thức, thủ đoạn của bị cáo: Lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu không có người trong coi và chiếc xe có gắn sẵn chìa khóa nên bị cáo lén lút chiếm đoạt. Tại phiên tòa bị cáo khai đã có ý định tìm, phát hiện nơi nào có xe mô tô của người khác mất cảnh giác trong quản lý bảo vệ xe để trộm cắp

đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lời khai này của bị cáo phù hợp, trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo thuê xe ô tô đi từ H đến C để quan sát, theo dõi trước.

[7] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về nhân thân của bị cáo: Hiện tại bị cáo có 02 tiền án về nhóm tội chiếm đoạt tài sản nhưng quá trình hoạt động của bản thân bị cáo từ 16 tuổi đến nay đã có nhiều lần vi phạm pháp luật và phạm tội nên có nhân thân rất xấu.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Ngoài các tình tiết là dấu hiệu định tội, định khung hình phạt bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và ngay sau khi bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại đã được bị hại và người dân truy đuổi theo kịp thu hồi lại xe mô tô đã trả cho bị hại và bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì khác nên xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Qua cân nhắc về tính chất, mức độ của vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù trong một thời hạn nhất định. Nhằm trừng trị và giáo dục bị cáo tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Theo đề nghị của Viện kiểm sát là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 nón bảo hiểm, 01 đôi dép bị cáo sử dụng lúc thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Trương Văn K 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/02/2022.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 nón bảo hiểm màu tím, có kính chắn, trên nón có chữ STYLE; 01 đôi dép bằng nhựa số Size 42, màu xanh đen.

(Các vật chứng nêu trên đã được giao nhận theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trương Văn K phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan THAHS CA huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THA dân sự huyện Giồng Trôm;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo, bị hại;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Dũng